

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan của mỗi kỳ tài chính nhằm phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn đó. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

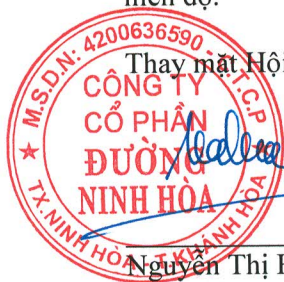
- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- xác định rõ các chuẩn mực kế toán liên quan có được tuân thủ hay không; và
- lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục, trừ trường hợp giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán phù hợp với các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm, các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 8 năm 2012



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa được soát xét hoặc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG
Việt Nam**

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo soát xét số: 12-01-280



Chang Hưng Chum
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Hào
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2012

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		583.003.605.143	193.028.638.505
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.459.986.594	2.636.591.673
Tiền	111		2.749.986.594	2.636.591.673
Các khoản tương đương tiền	112		1.710.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	158.082.144.956	149.045.398.944
Phải thu khách hàng	131		474.551.629	7.375.542.660
Trả trước cho người bán	132		143.137.706.940	135.656.467.708
Các khoản phải thu khác	135		14.636.654.808	6.180.156.997
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(166.768.421)	(166.768.421)
Hàng tồn kho	140	7	416.840.542.924	36.382.841.453
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.620.930.669	4.963.806.435
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		564.306.802	262.630.409
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.861.873	4.206.907.161
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.053.761.994	494.268.865
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		512.748.531.309	434.623.091.856
Tài sản cố định	220		266.751.389.850	281.710.234.660
Tài sản cố định hữu hình	221	8	249.355.473.820	202.029.425.859
Nguyên giá	222		338.432.863.151	260.110.488.370
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.077.389.331)	(58.081.062.511)
Tài sản cố định vô hình	227	9	16.729.147.069	15.590.167.289
Nguyên giá	228		17.240.274.571	15.838.698.089
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(511.127.502)	(248.530.800)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	666.768.961	64.090.641.512
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	237.898.075.395	151.559.152.322
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		87.724.124.992	74.725.141.519
Đầu tư dài hạn khác	258		153.419.661.988	89.508.536.651
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.245.711.585)	(12.674.525.848)
Tài sản dài hạn khác	260		8.099.066.064	1.353.704.874
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.004.767.910	1.285.204.874
Tài sản dài hạn khác	268		68.500.000	68.500.000
Lợi thế thương mại	269	13	7.025.798.154	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.095.752.136.452	627.651.730.361

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		724.645.616.578	325.167.739.292
Nợ ngắn hạn	310		617.298.198.451	206.403.421.591
Vay ngắn hạn	311	14	384.837.859.502	126.654.436.530
Phải trả người bán	312		32.471.240.169	27.121.740.046
Người mua trả tiền trước	313	15	90.329.057.965	4.768.184.900
Thuế phải nộp Nhà nước	314	16	36.025.867.473	19.568.881.676
Phải trả người lao động	315		15.948.677.189	8.154.761.608
Chi phí phải trả	316	17	32.935.344.918	907.637.642
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	20.411.228.251	10.216.505.783
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	4.338.922.984	9.011.273.406
Vay và nợ dài hạn	330		107.347.418.127	118.764.317.701
Vay dài hạn	334	20	107.009.270.112	118.402.943.561
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	21	338.148.015	361.374.140
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		366.276.070.587	302.483.991.069
Vốn chủ sở hữu	410		366.276.070.587	302.483.991.069
Vốn cổ phần	411	22	101.250.000.000	81.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	12.498.530.000	12.514.630.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(39.255.176)
Quỹ đầu tư phát triển	417		90.494.417.827	94.141.270.299
Quỹ dự phòng tài chính	418		8.100.000.000	8.100.000.000
Quỹ khác	419		(1.616.929.007)	(1.616.929.007)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		155.550.051.767	108.384.274.953
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	4.830.449.287	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.095.752.136.452	627.651.730.361

Người lập:



Ngô Thị Thu Trang
 Phó phòng kế toán



Võ Thị Thùy Tiên
 Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Thị Hoa
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 8 năm 2012.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Tổng doanh thu	10	24	446.221.445.439	443.516.707.455
Giá vốn hàng bán	11	25	(375.072.521.568)	(367.840.624.805)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		71.148.923.871	75.676.082.650
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	32.326.833.408	635.364.448
Chi phí tài chính	22	27	(25.074.700.449)	(39.691.178.654)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(24.659.310.339)	(25.280.384.099)
Chi phí bán hàng	24		(2.902.007.524)	(5.233.040.165)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(12.021.499.044)	(8.525.301.307)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		63.477.550.262	22.861.926.972
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	28	2.849.767.681	2.539.863.665
Chi phí khác	32	29	(963.394.596)	(656.954.242)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	41	11	10.492.573.473	12.610.517.948
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 31 + 32 + 41)	50		75.856.496.820	37.355.354.343
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	(12.258.644.090)	(6.215.712.240)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	-	-
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 + 51 + 52)	60		63.597.852.730	31.139.642.103

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		(170.454.120)	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		63.768.306.850	31.139.642.103
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	6.864	3.844

Người lập:



Ngô Thị Thu Trang
Phó phòng kế toán

Người duyệt:



Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	81.000.000.000	12.514.630.000	(29.037.160)	84.690.964.377	8.100.000.000	7.357.255	70.206.100.944	256.490.015.416
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	31.139.642.103	31.139.642.103
Ảnh hưởng của việc suy giảm khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	(1.624.286.262)	-	(1.624.286.262)
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(11.490.972.825)	-	-	11.490.972.825	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	1.532.129.710	1.532.129.710
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(20.250.000.000)	(20.250.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	16.172.960	-	-	-	-	16.172.960
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	81.000.000.000	12.514.630.000	(12.864.200)	73.199.991.552	8.100.000.000	(1.616.929.007)	94.118.845.582	267.303.673.927
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	60.255.066.209	60.255.066.209
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	20.941.278.747	105.400.365	-	(21.046.679.112)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.742.957.726)	(8.742.957.726)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(16.200.000.000)	(16.200.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(105.400.365)	-	-	(105.400.365)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	(26.390.976)	-	-	-	-	(26.390.976)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	81.000.000.000	12.514.630.000	(39.255.176)	94.141.270.299	8.100.000.000	(1.616.929.007)	108.384.274.953	302.483.991.069

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	81.000.000.000	12.514.630.000	(39.255.176)	94.141.270.299	8.100.000.000	(1.616.929.007)	108.384.274.953	302.483.991.069
Phát hành cổ phiếu	20.250.000.000	(16.100.000)	-	-	-	-	-	20.233.900.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	63.768.306.850	63.768.306.850
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(3.646.852.472)	-	-	3.646.852.472	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	617.492	617.492
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	-	-	(20.250.000.000)	(20.250.000.000)
Chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	39.255.176	-	-	-	-	39.255.176
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	101.250.000.000	12.498.530.000	-	90.494.417.827	8.100.000.000	(1.616.929.007)	155.550.051.767	366.276.070.587

Người lập:



Ngô Thị Thu Trang
Phó phòng kế toán



Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2012 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		75.856.496.820	37.355.354.343
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		30.171.384.240	23.182.662.828
Các khoản dự phòng	03		(9.428.814.263)	13.819.216.000
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05		(10.492.573.473)	(12.610.517.948)
Thu nhập lãi và cổ tức	05		(3.776.229.601)	(635.364.448)
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	05		(18.819.932)	-
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	05		(19.509.523.152)	-
Chi phí lãi vay	06		24.659.310.339	25.280.384.099
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		87.461.230.978	86.391.734.874
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(243.381.062.965)	(179.869.108.451)
Biến động hàng tồn kho	10		(134.957.613.425)	(21.917.891.155)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		145.292.916.392	28.967.831.130
Biến động chi phí trả trước	12		536.134.864	(433.475.800)
			(145.048.394.156)	(86.860.909.402)
Tiền lãi vay đã trả	13		(23.940.189.367)	(24.028.461.188)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(5.388.910.492)	(5.798.562.286)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.748.322.651)	(5.141.587.151)
Tiền thuần chi cho các hoạt động kinh doanh			(179.125.816.666)	(121.829.520.027)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.508.808.714)	(34.536.085.269)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		32.175.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(205.698.256.585)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		148.662.804.400	-
Mua công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua	25	4	(12.968.782.038)	
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		6.680.638.001	2.441.956.948
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(69.800.229.936)	(32.094.128.321)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		20.233.900.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		575.350.863.553	361.142.298.535
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(328.561.114.030)	(207.183.962.800)
Tiền chi trả cổ tức	36		(16.274.208.000)	-
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		250.749.441.523	153.958.335.735
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.823.394.921	34.687.387
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		2.636.591.673	182.391.424
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	4.459.986.594	217.078.811

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Trả trước cho nông dân trồng mía bằng mía giống, phân bón và thuốc trừ sâu	76.819.223.720	48.460.988.867
Cán trừ tiền mua mía với khoản trả trước cho nông dân trồng mía	322.199.591.264	237.314.277.448

Người lập:



Ngô Thị Thu Trang
Phó phòng kế toán

Người duyệt:




Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (“Nhà máy Đường Ninh Hòa – Công ty Đường Khánh Hòa”) theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường từ mía và các sản phẩm phụ; sản xuất và kinh doanh mua bán điện; thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; mua bán các vật tư nông nghiệp và kinh doanh bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và kinh doanh dịch vụ kho bãi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”). Công ty nắm giữ 58,99% cổ phần trong công ty con này. Bò giống Miền Trung được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Bò giống Miền Trung là chăn nuôi bò; trồng mía đường và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng; kinh doanh bất động sản, khách sạn và các hoạt động du lịch.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 125/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tập đoàn có 333 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 304 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các số liệu so sánh

Công ty không có công ty con trong những năm tài chính trước, trước khi Công ty mua lại Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung vào ngày 1 tháng 3 năm 2012. Do đó các số liệu so sánh cho Công ty và công ty con không hoàn toàn phù hợp với số liệu của kỳ báo cáo hiện hành.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Tập đoàn áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo vào đầu năm sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các khoản mục tài sản và nợ phải trả tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2012, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái* về việc ghi nhận các chênh lệch tỷ giá hối đoái. Cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo CMKT 10. Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Tập đoàn mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Trả trước cho nông dân trồng mía

Trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(i) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ gia súc	12 năm

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(k) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất thuê. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Quyền sử dụng đất thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất từ 6 đến 28 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu phản ánh công cụ và dụng cụ không đủ tiêu chuẩn để ghi nhận vào tài sản cố định hữu hình theo quy định của Việt Nam do mỗi tài sản có nguyên giá thấp hơn 10 triệu VND. Công cụ và dụng cụ được phân loại là chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Khi ghi nhận các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo trì

Dự phòng chi phí bảo trì liên quan đến các công việc bảo trì trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong báo cáo tài chính.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(q) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa là các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các tài sản tài chính mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.



Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(r) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(s) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(t) *Vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(u) *Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(v) *Doanh thu*

(i) *Bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Điện*

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Tiền lãi*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) *Cổ tức*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(w) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản dù điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(x) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(y) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(z) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

(aa) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 1 tháng 3 năm 2012 Tập đoàn mua lại một công ty con là Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”). Chi tiết về công ty con đã mua trong kỳ như sau:

	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua VND
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	58,99%	14.720.250.000

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.751.467.962
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.132.252.279
Hàng tồn kho	119.720.502
Tài sản ngắn hạn khác	40.717.886
Tài sản cố định hữu hình	7.332.887.537
Tài sản cố định vô hình	1.401.576.482
Tài sản dài hạn khác	33.650.000
Nợ ngắn hạn	(618.760.120)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	12.193.512.528
Tài sản thuần đã mua	7.192.609.121
Khoản thanh toán cho việc mua lại	(14.720.250.000)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại	(7.527.640.879)
Các ảnh hưởng đến luồng tiền bao gồm:	
Khoản tiền thu được	1.751.467.962
Khoản thanh toán cho việc mua lại	(14.720.250.000)
Khoản tiền thanh toán thuần	(12.968.782.038)

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	482.271.203	57.466.797
Tiền gửi ngân hàng	2.267.715.391	2.579.124.876
Các khoản tương đương tiền	1.710.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	4.459.986.594	2.636.591.673

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm số ngoại tệ xấp xỉ 612.610 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.885 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, tiền gửi ngân hàng với giá trị 2.030 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.076 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 128.710 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 133.353 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo, ngoại trừ các khoản trả trước với giá trị lớn hơn 300 triệu VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân, và chịu lãi suất năm là 21%. Trong trường hợp nông dân hoàn thành hợp đồng, Công ty sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho nông dân. Các khoản trả trước này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty.

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại	-	7.341.522.560
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đặt cọc mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía Đường 333 (a)	10.814.600.000	6.179.770.000
Đặt cọc theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (b)	1.550.000.000	-
Lãi phải thu	1.038.201.600	-
Tiền thuê đất phải thu	1.035.772.657	-
Phải thu khác	198.080.551	386.997
	14.636.654.808	6.180.156.997

- a. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 16 tháng 1 năm 2012, Tập đoàn đã quyết định mua 1.081.460 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường 333 (“Đường 333”), một công ty liên kết, với giá mua bằng tiền là 10,8 tỷ VND. Khoản này thể hiện khoản đặt cọc 100% tiền mua cổ phiếu trả trước cho Đường 333. Cho đến ngày phát hành báo cáo này, Tập đoàn vẫn chưa nhận được giấy chứng nhận cổ đông.
- b. Theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu ngày 15 tháng 5 năm 2012, Tập đoàn đồng ý mua 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”), một công ty liên kết, từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”), với giá mua bằng tiền là 1,5 tỷ VND. Khoản này thể hiện khoản đặt cọc 100% tiền mua cổ phiếu trả trước cho Sacombank. Cho đến ngày phát hành báo cáo này, Tập đoàn vẫn chưa nhận được giấy chứng nhận cổ đông.

Không có biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.

7. Hàng tồn kho

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên vật liệu	1.506.846.837	7.126.083.582
Công cụ và dụng cụ	5.836.127.946	4.711.999.908
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	846.074.720	5.536.812.783
Thành phẩm	398.967.715.744	18.594.581.525
Hàng hóa	9.683.777.677	413.363.655
	416.840.542.924	36.382.841.453

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 398.968 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 18.594 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Gia súc VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	62.559.947.976	190.373.221.383	6.733.184.285	444.134.726	-	260.110.488.370
Tăng do mua lại công ty con	7.897.574.690	40.901.400	381.379.700	27.154.400	584.844.286	8.931.854.476
Tăng trong kỳ	-	1.016.500.000	-	10.818.181	-	1.027.318.181
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.773.976.753	65.612.165.371	-	-	-	68.386.142.124
Thanh lý	-	-	-	-	(22.940.000)	(22.940.000)
Số dư cuối kỳ	73.231.499.419	257.042.788.154	7.114.563.985	482.107.307	561.904.286	338.432.863.151
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	10.211.526.361	46.344.817.297	1.168.140.526	356.578.327	-	58.081.062.511
Tăng do mua lại công ty con	1.157.995.765	36.049.852	152.551.880	27.154.400	225.215.042	1.598.966.939
Khấu hao trong kỳ	3.493.346.525	25.495.366.061	369.685.272	25.246.908	23.300.047	29.406.944.813
Thanh lý	-	-	-	-	(9.584.932)	(9.584.932)
Số dư cuối kỳ	14.862.868.651	71.876.233.210	1.690.377.678	408.979.635	238.930.157	89.077.389.331
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	52.348.421.615	144.028.404.086	5.565.043.759	87.556.399	-	202.029.425.859
Số dư cuối kỳ	58.368.630.768	185.166.554.944	5.424.186.307	73.127.672	322.974.129	249.355.473.820

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Giá trị của tài sản cố định hữu hình của Công ty mua trước ngày 10 tháng 2 năm 2006 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 1.022 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 949 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 182.098 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 143.544 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	15.335.998.089	502.700.000	15.838.698.089
Tăng do mua lại công ty con	1.401.576.482	-	1.401.576.482
Số dư cuối kỳ	16.737.574.571	502.700.000	17.240.274.571
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	198.260.801	50.269.999	248.530.800
Khấu hao trong kỳ	212.326.704	50.269.998	262.596.702
Số dư cuối kỳ	410.587.505	100.539.997	511.127.502
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	15.137.737.288	452.430.001	15.590.167.289
Số dư cuối kỳ	16.326.987.066	402.160.003	16.729.147.069

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 4.657 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.657 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	64.090.641.512	3.295.310.262
Tăng trong kỳ	4.962.269.573	36.514.214.272
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(68.386.142.124)	(29.488.204.646)
Số dư cuối kỳ	666.768.961	10.321.319.888

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 467 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 28 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2012				31/12/2011			
	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:								
▪ Công ty CP Mía Đường Phan Rang (a)	1.313.210	41,9%	41,9%	21.559.733.198	1.313.210	41,9%	41,9%	21.207.074.027
▪ Công ty CP Mía Đường 333 (b)	2.339.321	42,1%	42,1%	66.164.391.794	1.670.944	42,1%	42,1%	53.518.067.492
				<u>87.724.124.992</u>				<u>74.725.141.519</u>
Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu:								
▪ Công ty CP Mía Đường – Nhiệt Điện Gia Lai	2.000.000	11,5%	11,5%	49.845.711.585	-	-	-	-
▪ Công ty CP Điện Gia Lai	7.000.000	13,39%	13,39%	84.000.000.000	-	-	-	-
▪ Công ty CP Bất động sản Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	-	500.000	1%	1%	15.500.010.000
▪ Công ty CP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	1.500.000	10%	10%	19.500.000.000	1.500.000	10%	10%	19.500.000.000
▪ Ngân hàng Cổ phần Thương mại Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	-	3.600.004	0,34%	0,34%	54.434.576.248
▪ Công ty CP Đường Biên Hòa	8.094	0%	0%	73.950.403	8.094	0%	0%	73.950.403
				<u>153.419.661.988</u>				<u>89.508.536.651</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				<u>(3.245.711.585)</u>				<u>(12.674.525.848)</u>
				<u>237.898.075.395</u>				<u>151.559.152.322</u>

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

- a. Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Đường Phan Rang là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm khác làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thức ăn gia súc và các sản phẩm nông sản khác; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp các dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và cung cấp các dịch vụ gửi hàng.
- b. Công ty Cổ phần Mía Đường 333 (“Đường 333”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4003000094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006. Hoạt động chính của Đường 333 là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất hạt điều xuất khẩu; sản xuất và kinh doanh nước uống; nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và kinh doanh các loại nông sản.

Biến động của các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	74.725.141.519	51.885.449.525
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	6.449.020.000	-
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	10.492.573.473	12.610.517.948
Ảnh hưởng của việc suy giảm khoản đầu tư vào các công ty liên kết	-	(1.624.286.262)
Cổ tức đã nhận	(3.942.610.000)	(1.806.592.500)
Số dư cuối kỳ	87.724.124.992	61.065.088.711

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	12.674.525.848	11.937.919.288
Tăng dự phòng trong kỳ	3.245.711.585	13.819.216.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(12.674.525.848)	-
Số dư cuối kỳ	3.245.711.585	25.757.135.288

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	1.285.204.874	1.934.676.781
Tăng do mua lại công ty con	33.650.000	-
Tăng trong kỳ	519.220.960	146.582.436
Phân bổ trong kỳ	(833.307.924)	(819.731.845)
Số dư cuối kỳ	1.004.767.910	1.261.527.372

13. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Tăng trong kỳ và số dư cuối kỳ	7.527.640.879
Giá trị hao mòn lũy kế	
Khấu hao trong kỳ và số dư cuối kỳ	501.842.725
Giá trị ghi sổ	
Số dư cuối kỳ	7.025.798.154

14. Vay ngắn hạn

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	357.112.696.888	101.451.628.535
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	27.725.162.614	25.202.807.995
Vay ngắn hạn	384.837.859.502	126.654.436.530

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (a)	VND	14%-16%	265.365.628.535	101.451.628.535
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (b)	VND	12%-13%	14.903.833.353	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (c)	VND	12%-13%	65.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (d)	VND	14%	11.843.235.000	-
			357.112.696.888	101.451.628.535

- a. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 350 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và máy móc của Tập đoàn với giá trị ghi sổ lần lượt là 9.068 triệu VND và 13.641 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 10.279 triệu VND và 18.069 triệu VND); thành phẩm và số dư của hai tài khoản ngân hàng vãng lai tại ngân hàng này với giá trị lần lượt là 258.968 triệu VND và 2.030 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 18.594 triệu VND và 2.076 triệu VND).
- b. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thành phẩm của Tập đoàn với giá trị là 53 tỷ VND.
- c. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu từ các bên liên quan của Tập đoàn với số dư phải thu tối thiểu là 2.500.000 Đô la Mỹ và 3.600.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín sở hữu bởi ông Đặng Văn Thành. Khoản vay này cũng được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Thành Thành Công, một công ty liên quan, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 2.500.000 Đô la Mỹ.
- d. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng thành phẩm của Tập đoàn với giá trị là 60 tỷ VND.

15. Người mua trả tiền trước

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trả trước từ các cổ đông để mua đường	90.064.940.000	4.591.933.500
Trả trước từ các khách hàng khác	264.117.965	176.251.400
	90.329.057.965	4.768.184.900

Khoản trả trước từ các cổ đông không được đảm bảo và không chịu lãi, ngoại trừ khoản trả trước với số tiền là 34 tỷ VND chịu lãi suất năm là 14% trong kỳ.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	9.832.226.106	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.983.610.734	19.125.837.245
Thuế thu nhập cá nhân	35.926.670	333.496.875
Các loại thuế khác	174.103.963	109.547.556
	36.025.867.473	19.568.881.676

17. Chi phí phải trả

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí hỗ trợ nông dân trồng mía	17.813.380.646	-
Chi phí sửa chữa và bảo trì	12.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.546.758.614	827.637.642
Phí tư vấn	982.000.000	-
Chi phí khác	593.205.658	80.000.000
	32.935.344.918	907.637.642

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả nông dân trồng mía	14.148.648.859	-
Khoản ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa	92.250.000	8.000.000.000
Cổ tức phải trả	4.732.666.800	756.874.800
Tiền đặt cọc đã nhận	755.750.000	813.500.000
Phải trả khác	681.912.592	646.130.983
	20.411.228.251	10.216.505.783

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	9.011.273.406	10.460.731.568
Tăng do mua lại công ty con	53.363.596	-
Hoàn nhập trong kỳ	(617.492)	(1.532.129.710)
Sử dụng trong kỳ	(4.725.096.526)	(5.085.808.651)
Số dư cuối kỳ	4.338.922.984	3.842.793.207

20. Vay dài hạn

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	134.734.432.726	143.605.751.556
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 14)	(27.725.162.614)	(25.202.807.995)
Hoàn trả sau mười hai tháng	107.009.270.112	118.402.943.561

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín					
▪ Khoản vay 1 (a)	VND	14%-16%	2017	31.279.236.626	29.355.967.056
▪ Khoản vay 2 (b)	VND	12%	2020	35.000.000.000	35.000.000.000
▪ Khoản vay 3 (c)	VND	14%-16%	2015	68.455.196.100	79.249.784.500
				134.734.432.726	143.605.751.556

- a. Khoản vay 1 với hạn mức tối đa là 50,5 tỷ VND được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ là 55.798 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ là 883 triệu VND; xây dựng cơ bản dở dang với giá trị là 64.091 triệu VND). Khoản vay này được hoàn trả vào mỗi kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 20 tháng 4 năm 2012 dựa theo lịch trình hoàn trả đã được thống nhất giữa ngân hàng và Tập đoàn, với khoản thanh toán cuối cùng không trễ hơn ngày 10 tháng 10 năm 2017.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- b. Khoản vay 2 với hạn mức tối đa là 35 tỷ VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc có liên quan tại 54A Yersin, Thành phố Nha Trang với giá trị ghi sổ lần lượt là 4.657 triệu VND và 28.283 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.657 triệu VND và 28.893 triệu VND). Khoản vay này được hoàn trả vào mỗi kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 26 tháng 8 năm 2012 dựa theo lịch trình hoàn trả đã được thống nhất giữa ngân hàng và Tập đoàn, với khoản thanh toán cuối cùng không trễ hơn ngày 26 tháng 8 năm 2020.
- c. Khoản vay 3 với hạn mức tối đa là 103,2 tỷ VND được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ là 75.308 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 85.420 triệu VND). Khoản vay này được hoàn trả vào mỗi kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 16 tháng 12 năm 2010 dựa theo lịch trình hoàn trả đã được thống nhất giữa ngân hàng và Tập đoàn, với khoản thanh toán cuối cùng không trễ hơn ngày 15 tháng 6 năm 2015.

21. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	361.374.140
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(23.226.125)
Số dư cuối kỳ	<u>338.148.015</u>

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tập đoàn đã đóng 50 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 28 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	10.125.000	101.250.000.000	8.100.000	81.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	10.125.000	101.250.000.000	8.100.000	81.000.000.000

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2012		30/6/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	8.100.000	93.514.630.000	8.100.000	93.514.630.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	2.025.000	20.233.900.000	-	-
Số dư cuối kỳ	10.125.000	113.748.530.000	8.100.000	93.514.630.000

23. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	-
Lỗ thuần trong kỳ	(170.454.120)
Mua lại công ty con	5.000.903.407
Số dư cuối kỳ	4.830.449.287

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	327.900.184.272	369.178.399.741
▪ Mật	29.771.332.623	21.026.598.147
▪ Phân bón và thuốc trừ sâu	74.710.866.118	46.088.977.867
▪ Mía giống	4.983.882.800	2.372.011.000
▪ Điện	4.347.457.224	2.504.157.656
▪ Khác	4.507.722.402	2.346.563.044
	446.221.445.439	443.516.707.455

25. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Đường	261.132.499.439	296.251.372.071
▪ Mật	29.771.332.623	21.026.598.147
▪ Phân bón và thuốc trừ sâu	71.531.962.566	44.108.366.413
▪ Mía giống	5.064.545.000	2.372.011.000
▪ Điện	4.347.457.224	2.504.157.656
▪ Khác	3.224.724.716	1.578.119.518
	375.072.521.568	367.840.624.805

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	28.409.533.152	-
Cổ tức đã nhận	12.141.000	7.500.000
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	2.517.948.705	583.255.824
Lãi từ tiền đặt cọc theo thỏa thuận mua cổ phiếu	1.038.201.600	-
Lãi tiền gửi	207.938.296	44.608.624
Doanh thu hoạt động tài chính khác	141.070.655	-
	32.326.833.408	635.364.448

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

27. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Chi phí lãi vay	24.659.310.339	25.280.384.099
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8.900.010.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(12.674.525.848)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	3.245.711.585	13.819.216.000
Chi phí tài chính khác	944.194.373	591.578.555
	25.074.700.449	39.691.178.654

28. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2012 VND
Thu nhập từ cho thuê nhà	2.130.000.000	2.130.000.000
Thu nhập khác	719.767.681	409.863.665
	2.849.767.681	2.539.863.665

29. Chi phí khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2012 VND
Chi phí khấu hao nhà cho thuê	736.950.537	656.366.675
Chi phí khác	226.444.059	587.567
	963.394.596	656.954.242

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(i) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	12.258.644.090	6.215.712.240

(ii) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	75.856.496.820	37.355.354.343
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn	18.964.124.205	9.338.838.586
Chi phí không được khấu trừ thuế	133.611.586	31.378.141
Thu nhập không chịu thuế	(2.396.814.988)	(3.154.504.487)
Ưu đãi thuế	(4.442.276.713)	-
	12.258.644.090	6.215.712.240

Theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2012 do hoạt động của Công ty thỏa mãn điều kiện về doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến nông sản.

(iii) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 63.768.306.850 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 31.139.642.103 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 9.290.522 (ngày 30 tháng 6 năm 2011: 8.100.000), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	63.768.306.850	31.139.642.103
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	63.768.306.850	31.139.642.103

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	8.100.000	8.100.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 3 năm 2012	1.190.522	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	9.290.522	8.100.000

32. Cổ tức

Đại hội Cổ đông của Công ty ngày 16 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 20.250 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

33. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	3.977.715.391	2.579.124.876
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.111.206.437	13.555.699.657
Trả trước cho người bán	143.137.706.940	135.656.467.708
	<hr/>	<hr/>
	162.226.628.768	151.791.292.241

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 7 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong hạn	15.111.206.437	13.555.699.657

Trả trước cho người bán

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Tập đoàn và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong hạn	142.320.535.835	135.299.597.085
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	612.318.318	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	45.151.808	266.000
Quá hạn trên 180 ngày	159.700.979	356.604.623
	143.137.706.940	135.656.467.708

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	384.837.858.502	416.125.084.773	416.125.084.773	-	-	-
Phải trả người bán	32.471.240.169	32.471.240.169	32.471.240.169	-	-	-
Thuế phải nộp Nhà nước	36.025.867.473	36.025.867.473	36.025.867.473	-	-	-
Phải trả người lao động	15.948.677.189	15.948.677.189	15.948.677.189	-	-	-
Phải trả khác	20.411.228.251	20.411.228.251	20.411.228.251	-	-	-
Chi phí phải trả	32.935.344.918	32.935.344.918	32.935.344.918	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	107.009.271.112	159.817.601.164	11.494.396.246	40.533.762.826	85.120.895.176	22.668.546.916
	629.639.487.614	713.735.043.937	565.411.839.019	40.533.762.826	85.120.895.176	22.668.546.916

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Tập đoàn không có rủi ro hối đoái trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Tập đoàn được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, 491 tỷ VND nợ phải trả của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	132.687.881.646	135.932.335.596
Công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(491.847.129.614)	(245.057.380.091)

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Tập đoàn giảm đi 4,2 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin. Các chính sách sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, vay ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

Vay dài hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền nợ gốc và lãi trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ đã được ghi nhận.

Đầu tư vào chứng khoán vốn

		30/6/2012	
	Thuyết minh	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt Điện Gia Lai	(i)	46.600.000.000	46.600.000.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	(i)	73.950.403	147.310.800
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	(ii)	84.000.000.000	-
Công ty Cổ phần giao dịch hàng hóa Sơn Tín	(ii)	19.500.000.000	-

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt Điện Gia Lai và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định bằng cách tham chiếu tới giá thị trường trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(ii) Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và Công ty Cổ phần giao dịch Hàng hóa Sơn Tín là các công ty chưa niêm yết và có lợi nhuận trong kỳ. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Bán hàng hóa	178.920.942.533	215.549.220.072
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Mía Đường 333		
Đặt cọc mua cổ phiếu	10.814.600.000	-
Cổ tức	4.177.360.000	-
Lãi tiền đặt cọc	1.038.201.600	-
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thù lao	3.106.274.992	2.623.906.014

35. Cam kết vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	10.888.616.400	3.756.403.140

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	684.542.988.491	523.669.056.079
Chi phí nhân công	29.607.958.673	20.439.261.363
Chi phí khấu hao và phân bổ	31.004.692.164	23.182.662.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.115.180.997	16.158.319.626
Chi phí khác	15.144.533.421	11.736.896.874

Người lập:



Ngô Thị Thu Trang
Phó phòng kế toán



Võ Thị Thùy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

